



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4829/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 17/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả MO1				QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB		
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.002				-	
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,62	2,62	2,62	2,62	500	
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	4,56	4,56	4,56	4,56	1.000	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	3,01	3,76	3,20	3,32	850	
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	15				200	
6	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				30	
7	HF	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)				20	
8	n-Propanol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)				-	980
9	Ethylbenzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				-	870
10	1-Butanol	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)				-	360
11	Cyclohexan	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,18)				-	1.300
12	n-Hexane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,13)				-	450
13	Styrene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				-	100
14	Methanol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)				-	260
15	Phenol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,1)				-	19
16	1,3-Butadien*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	2.200
17	Acetaldehyde*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)				-	270
18	Cyclohexanol*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)				-	410
19	Formandehyt*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	20
20	Chlorobenzene**	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)				-	350

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- **Vị trí lấy mẫu:**
- **MOI:** Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực đúc nhựa số 1.
Tọa độ: 21°9'34.7"N, 106°6'33.2"E
- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- **Cột B:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- * Chỉ tiêu thực hiện bởi Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321
- ** Chỉ tiêu thực hiện bởi Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4830/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 17/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả MO2				QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB		
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.749				-	-
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,62	2,62	2,62	2,62	500	-
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	4,56	5,7	4,56	4,94	1.000	-
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	1,88	1,88	1,88	1,88	850	-
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	17				200	-
6	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				30	-
7	HF	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)				20	-
8	n-Propanol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)				-	980
9	Ethylbenzene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				-	870
10	1-Butanol	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)				-	360
11	Cyclohexan	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,18)				-	1.300
12	n-Hexane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,13)				-	450
13	Styrene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				-	100
14	Methanol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)				-	260
15	Phenol	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,1)				-	19
16	1,3-Butadien*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	2.200
17	Acetaldehyde*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)				-	270
18	Cyclohexanol*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)				-	410
19	Formandehyt*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)				-	20
20	Chlorobenzene**	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,5)				-	350

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Vị trí lấy mẫu:

- **MO2:** Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực đúc nhựa số 2.

Tọa độ: 21°9'34.2"N, 106°6'34.6"E

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

- ** Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty cổ phần môi trường Đại Nam - Số Vimcerts 288);

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4831/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 17/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả PCI				QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	Cột B	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.194				-	-
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,62	2,62	2,62	2,62	500	-
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	4,56	4,56	4,56	4,56	1.000	-
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	1,88	1,88	1,88	1,88	850	-
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	13				200	-
6	Ethanol amine	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1)				-	45
7	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)				10	-
8	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				30	-

- Vị trí lấy mẫu:

- PCI: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực hàn linh kiện (xưởng PCB).

Tọa độ: 21°9'39.9"N , 106°6'34.1"E

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4833/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả CR1				QCVN 19:2009/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.657				-
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,62	2,62	5,24	3,49	500
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	4,56	5,7	4,56	4,94	1.000
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	1,88	2,26	1,88	2,01	850
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	14				200
6	HF	US EPA Method 26A	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)				20
7	n-Hexane	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,13)				450 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

- CR1: Mẫu khí thải thải tại ống thoát khí khu vực lắp ráp hộp mực in.

Tọa độ: 21°9'29.7"N , 106°6'38.1"E

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- ⁽¹⁾QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4834/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả AS1				QCVN 19:2009/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	5.214				-
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	5,24	5,24	5,24	5,24	500
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	5,7	5,7	5,7	5,7	1.000
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	1,88	1,88	1,88	1,88	850
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	17				200
6	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)				10
7	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				30

- Vị trí lấy mẫu:

- AS1: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực hàn linh kiện (xưởng ASSY_ nhà máy 1).

Tọa độ: 21°9'38.7"N , 106°6'25.3"E

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.4835/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quê Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quê Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả AS2				QCVN 19:2009/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	4.130				-
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,62	5,24	7,86	5,24	500
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	4,56	4,56	4,56	4,56	1.000
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	1,88	3,76	2,82	2,82	850
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	17				200
6	Đồng và hợp chất của đồng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,03)				10
7	Kẽm và hợp chất của kẽm	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)				30

- Vị trí lấy mẫu:

- AS2: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải khu vực hàn linh kiện (xưởng ASSY_ nhà máy 2).

Tọa độ: 21°9'36.9"N , 106°6'39.8"E

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4836/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quê Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quê Võ, Phường Văn Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				W1-1	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m^3/h	10,5	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6,3	5,5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	$^{\circ}C$	29,5	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	106	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	167	100
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	776	50
7	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	1.180	150
8	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	21	10
9	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	124	40
10	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	6,28	6
11	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
12	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	142	1.000
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5
15	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	mg/L	6,2	10
16	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	1,58	0,5
17	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	2,78	5
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1
19	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,11	2
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,35	3
22	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5
23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,1
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,5
26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	0,1
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,28	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	6,7	10
29	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US.EPA-Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8081B	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,1
30	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ - (Ethyl Parathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,2)	1
33	PCB 52	US.EPA Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8082A	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	-
34	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	13.000	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- W1-1: Nước thải trước xử lý 05A.

Tọa độ: 21°09'34.3"N, 106°06'34.7"E

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4837/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quê Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quê Võ, Phường Văn Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				W1-2	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	10,6	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	5,5 ÷ 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	34	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	18	50
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	30	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	KPH (MDL=1)	10
7	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	KPH (MDL=5)	40
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	2,15	6
9	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	KPH (MDL=0,3)	10
11	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	2x10 ³	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- W1-2: Nước thải sau xử lý 05A.

Tọa độ: 21°9'37.1"N, 106°6'25.3"E

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 " - ": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4838/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Văn Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				W1-3	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	13,2	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	5,5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	29	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	25	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	34	100
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	14	50
7	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	26	150
8	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	KPH (MDL=1)	10
9	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	KPH (MDL=5)	40
10	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,68	6
11	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
12	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	108	1.000
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5
15	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	10
16	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,24	0,5
17	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,03)	5
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1
19	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	3
22	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5
23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01
24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,1
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,5

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	0,1
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	KPH (MDL=0,3)	10
29	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US.EPA-Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8081B	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,1
30	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ - (Ethyl Parathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,2)	1
33	PCB 52	US.EPA Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8082A	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	-
34	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	1.800	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- W1-3: Nước thải tại bể chứa cuối cùng 05A

Tọa độ: 21°9'36.5"N, 106°6'06.6"E

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1330

Số: KQTN_N.4839/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quế Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 **Thời gian thử nghiệm** : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				W2-1	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	10,8	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6,5	5,5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	29,7	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	72	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	97	100
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	88	50
7	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	170	150
8	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	105	10
9	Tổng Nitơ ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	134	40
10	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	8,78	6
11	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
12	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	142	1.000
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	0,080	0,5
15	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	mg/L	1,35	10
16	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	1,15	0,5
17	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	1,25	5
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1
19	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,11	2
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,08	3
22	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5
23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,1
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,5
26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	0,1
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	6,8	10
29	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US.EPA-Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8081B	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,1
30	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ - (Ethyl Parathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,2)	1
33	PCB 52	US.EPA Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8082A	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	-
34	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	14.000	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- W2-1: Nước thải trước xử lý 07B.

Tọa độ: 21°9'37.5"N , 106°6'25.5"E

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4840/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quê Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quê Võ, Phường Văn Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				W2-2	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m ³ /h	13,8	-
2	pH		-	6,9	5,5 ÷ 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	24	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	14	50
5	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	24	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	5	10
7	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	15	40
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	2,53	6
9	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	KPH (MDL=0,3)	10
11	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	2,7x10 ³	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- W2-2: Nước thải sau xử lý 07B.

Tọa độ: 21°9'37.0"N , 106°6'25.3"E

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

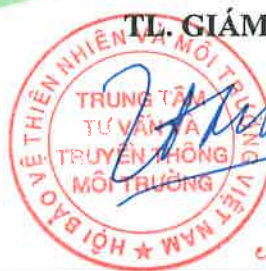
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hạnh



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

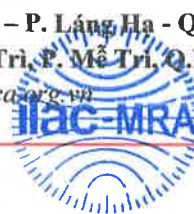
Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_N.4841/01.06.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CANON VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô A1, Khu CN Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Canon Việt Nam – Chi nhánh Quê Võ tại Lô B1 Khu công nghiệp Quê Võ, Phường Văn Dương, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian thử nghiệm : 18/05/2023 - 01/06/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				W2-3	Cột B
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m^3/h	16,5	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	5,5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	$^{\circ}C$	29,3	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	20	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	32	100
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	18	50
7	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	34	150
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	5	10
9	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	17	40
10	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,22	6
11	Clo dư	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	2
12	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	137	1.000
13	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
14	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,5
15	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	mg/L	KPH (MDL=0,03)	10
16	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,19	0,5
17	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH (MDL=0,03)	5
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1
19	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 6658:2000	mg/L	KPH (MDL=0,05)	1
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	3
22	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,5
23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
- 4 “-”: Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	0,1
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,5
26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	0,1
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	KPH (MDL=0,3)	10
29	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrine)	US.EPA-Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8081B	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	0,1
30	Hóa chất BTV Photpho hữu cơ - (Ethyl Parathion)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ beta*	SMEWW 7110B:2017	Bq/L	KPH (MDL=0,2)	1
33	PCB 52	US.EPA Method 3510C+ US.EPA Method 3620C+ US.EPA Method 8082A	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	-
34	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	2.000	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- W2-3: Nước thải tại bể chứa cuối cùng 07B

Tọa độ: 21°9'36.4"N , 106°6'24.0"E

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022